ÁP LỰC CUNG VẪN CÒN

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Với tốc độ giảm nhanh và mạnh thì vùng cân bằng sẽ sớm xuất hiện. Tuy vậy, hoạt động bắt đáy cần tiết chế hoặc chỉ mua thăm dò với tỷ trọng nhỏ đối với các mã đã giảm trên 20% kể từ đỉnh và tiệm cận MA200 ngày.
BÁN	Tận dụng các nhịp hồi phục để hạ tỷ lệ đòn bẩy, cơ cấu lại danh mục, khi bối cảnh chung của thị trường đang không thuận lợi.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

HCM

THEO DÕI

↑ 13,62%

VND 26.700

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm điểm trong phiên cuối tuần (19/4), đánh dấu chuỗi phiên giảm dài nhất trong 1 năm rưỡi, trong bối cảnh triển vọng lãi suất cao hơn lâu.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** TTCK trong nước vẫn trong chiều hướng điều chỉnh giảm. Bên bán lớn đã lấn át lực cầu bắt đáy, khiến VN-Index hồi phục bất thành. Sắc đỏ vẫn chiếm ưu thế khi bên bán hoạt động trên diện rộng. Thanh khoản cải thiện hơn trong bối cảnh khối ngoại mua ròng khá tốt. Thị trường hiện vẫn chưa có thêm thông tin tích cực đủ lớn để đảo chiều tâm lý nhà đầu tư. Tỷ giá vẫn còn rất nóng và thông tin mới nhất là Ngân hàng Nhà nước đã quyết định bán USD để can thiệp, sau khi phát hành tín phiếu không giúp tỷ giá dịu nhiệt.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	37.798,97	0,17	0,29
S&P 500	5.051,41	-0,21	5,90
Nasdaq	15.865,25	-0,12	5,69
VIX	18,40	-4,32	47,79
DAX	17.766,23	-1,44	6,06
FTSE 100	7.820,36	-1,82	1,13
CAC40	7.932,61	-1,40	5,16
Hang Seng	16.225,54	-0,14	-4,82

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX

Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	SELL	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	28,99	SELL
MACD(12,26)	-12,08	SELL
ADX(14)	22,79	SELL
SMA5	1.215,35	SELL
SMA20	1.257,96	SELL
SMA50	1.245,60	SELL
SMA100	1.190,32	SELL
SMA200	1.176,53	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- TTCK Mỹ giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu (19/4), đánh dấu chuỗi phiên giảm dài nhất trong 1 năm rưỡi, trong bối cảnh triển vọng lãi suất cao hơn lâu hơn gây áp lực giảm lên giá cổ phiếu. Giá dầu thô tăng nhẹ nhưng hoàn tất một tuần đi xuống do nhà đầu tư cho rằng rủi ro chiến tranh lanh rộng ở "chảo lửa" Trung Đông sẽ hạn chế.
- Chiều ngày 19/04, NHNN đã thông báo chủ trương đấu thầu vàng cho 15 tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện tham gia đấu thầu. Các công tác đấu thầu sẽ tiến hành trong thứ Hai tuần tới. Như vậy là sau 11 năm, kể từ phiên đấu thầu vàng miếng đầu tiên được tổ chức vào năm 2013, thì đến nay, Ngân hàng Nhà nước sẽ quay trở lại việc tổ chức đấu thầu vàng miếng.
- Kể từ hôm 19/4, website của Ngân hàng Nhà nước sẽ công bố công khai phương án việc bán ngoại tệ cho các tổ chức tín dụng có trạng thái ngoại tệ âm sang trạng thái ngoại tệ bằng 0 với mức giá 25.450 đồng
- **NTC:** CTCP Khu công nghiệp Nam Tân Uyên mới công bố BCTC quý I/2024 với doanh thu thuần giảm nhẹ 2% về 56,7 tỷ đồng, nhưng nhờ giá vốn giảm hơn 7% về 14,7 tỷ đồng nên lợi nhuận gộp giảm nhẹ còn 42 tỷ đồng. Về các chi phí, ngoài chi phí lãi vay tăng 68%, lên 2,7 tỷ đồng; chi phí quản lý doanh nghiệp được giảm 12%, xuống còn 4,5 tỷ đồng. Qua đó, NTC báo lãi quý I/2024 đạt 65,2 tỷ đồng, giảm 18% so với cùng kỳ năm trước.
- **SHB:** Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế 2024 đạt 11.286 tỷ đồng, tăng 22% so với năm trước. Tỷ lệ cổ tức 2023 dự kiến là 16%, trong đó có 5% bằng tiền mặt và 11% bằng cổ phiếu.
- **MBB:** Ngân hàng MB sẽ chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 5% và bằng cổ phiếu tỷ lệ 15% trong năm 2024. Ngân hàng cũng đưa ra mục tiêu lợi nhuận tương đối khiêm tốn, chỉ tăng trưởng 6 - 8% so với năm 2023.
- **SSI:** Chứng khoán SSI công bố kết quả kinh doanh công ty mẹ quý I với doanh thu hoạt động 1.920 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 727 tỷ đồng, tăng lần lượt 33% và 51% so với cùng kỳ năm trước. Đây cũng là mức lợi nhuận theo quý cao nhất trong khoảng 2 năm gần đây của công ty này.
- **HCM:** Theo báo cáo tài chính vừa công bố, doanh thu hoạt động của HCM trong kỳ đạt 863 tỷ đồng, tăng 37% so với quý I/2023. Các mảng hoạt động chính đều tăng doanh thu, gồm lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tăng 13%, lãi từ các khoản cho vay và phải thu ((tăng 52%) và môi giới (tăng 62%).

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.381,66	-0,05	15,45
Dầu WTI	84,99	-0,43	18,62
Dầu Brent	89,67	-0,39	16,39
Than	129,25	-0,39	-11,71
Đồng	9.468,00	-1,13	10,62
Quặng sắt	109,86	-1,20	-20,35
Thép	526,50	-0,19	-6,76

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	106,291	0,03	4,89
USD/JPY	154,65	0,05	-8,80
USD/CNY	7,238	0,00	-1,91
EUR/USD	1,0625	0,06	-3,75
GBP/USD	1,243	0,03	-2,36

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,50%	01/05/2024	0
ECB	4,50%	11/04/2024	0
BOE	5,25%	09/05/2024	0
BOJ	0,10%	26/04/2024	0
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
NVL	772,47	15.750	-4,55
DIG	1.367,46	30.100	-3,68
SSI	1.142,21	35.200	0,72
VHM	703,89	42.700	0,71
VIX	1.095,04	17.850	-1,65

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	508.607,30	91.000	-1,09
BID	286.731,93	50.300	1,21
VHM	185.931,49	42.700	0,71
VIC	177.417,90	46.400	-1,28
CTG	182.848,22	34.050	1,79

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

HCM

Khuyến nghị	THEO DÕI
Giá hiện tại	24.850
Giá mục tiêu	26.700
Tiềm năng tăng giá	13,62%
Vùng giải ngân	22.800-23.500
Ngưỡng cắt lỗ	<22.500

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Theo báo cáo tài chính vừa công bố, doanh thu hoạt động HCM trong kỳ đạt 863 tỷ đồng, tăng 37% so với quý I/2023. Các mảng hoạt động chính đều tăng doanh thu, gồm lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tăng 13%, lãi từ các khoản cho vay và phải thu ((tăng 52%) và môi giới (tăng 62%).
- Đến cuối tháng 3, dư nợ cho vay ký quỹ (margin) đạt 14.200 tỷ đồng, tăng 17% so với cuối năm 2023 và đánh dấu chuỗi tăng 4 quý liên tiếp (từ cuối quý II/2023). Mức dự nợ hiện tại đã tiệm cận với đỉnh khoảng 14.500 lập vào cuối tháng 3/2022.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- HCM để mất vùng MA100 trong phiên giao dịch ngày 19/04. Kể từ đỉnh, cổ phiếu đã giảm gần 18%, chúng tôi kỳ vọng cổ phiếu sẽ sớm tìm lại được vùng cân bằng và hồi phục trở lại, nhất là khi vùng hỗ trợ MA200 ngay ở phía dưới. Đối với nhà đầu tư ưa mạo hiểm, có thể xem xét giải ngân 1 phần trong phiên giao dịch tới, vùng hỗ trợ mạnh 22.800-23.500 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2021	FY2022	Q4 2023
DTT (tỷ đ)	4.460	3.901	861
LNTT (tỷ đ)	1.430	1.068	225
LNST (tỷ đ)	1.147	852	179
Nợ/VCSH (%)	205	88	110
ROE (%)	19,50	11,20	8,32
ROA (%)	6,22	4,28	4,04
EPS (VNĐ)	2.559,84	1.295,55	1024,59
P/E (lần)	12,35	10,72	26,69
P/B (lần)	2,84	1,16	2,17

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	SELL	SELL	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	31,46	SELL
MACD(12,26)	-0,40	SELL
ADX(14)	19,57	SELL
SMA5	27.050	SELL
SMA20	28.470	SELL
SMA50	28.050	SELL
SMA100	25.680	SELL
SMA200	23.350	BUY

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
1	PVD	Theo dõi	28,2-29,5			34,5	28			
2	MBB	Theo dõi	21,6-22,3			25,5	21,2			
3	SSI	Theo dõi	32,2-33			39,2	31,5			
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	MWG	Nắm giữ	45-47,5	5/3/2024	47,5	54,3	44,2			1,47%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	VCI	Chốt lời	41,5-42,5	29/12/2023	42	48,2	40	21/2/2024	45	7,14%
2	DXG	Cắt lỗ	18,6-19,2	5/1/2024	19	21,5	18	23/2/2024	18	-5,26%
3	VHC	Chốt lời	63,5-65	19/2/2024	64,7	71,5	60,9	28/2/2024	70,9	9,58%
4	VGC	Chốt lời	51,8-53,5	31/1/2024	52,5	59,1	49,8	5/3/2024	56,9	8,19%
5	VCG	Cắt lỗ	24,8-25,2	29/1/2024	25,2	28,5	23,9	11/3/2024	23,9	-5,16%
6	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
7	VCI	Chốt lời	46-48	6/3/2024	47,5	55,2	44,5	15/3/2024	52,3	11,58%
8	VND	Cơ cấu	22,8-23,8	4/3/2024	23	27,3	21,8	26/3/2024	23,05	0,22%
9	NKG	Chốt lời	23-23,8	15/3/2024	23,75	27,6	22,4	28/3/2024	26,1	9,89%
10	VGC	Chốt lời	54-55,5	13/3/2024	55,5	61,8	51,8	2/4/2024	58,7	6,31%
11	KSB	Cơ cấu	25,5-26,5	15/3/2024	26,2	29,5	24,6	2/4/2024	26,2	0,00%
12	DPM	Cơ cấu	34,5-36	27/3/2024	35,85	39,8	33,8	2/4/2024	35,55	-0,84%
13	STB	Cắt lỗ	30-31,5	29/2/2024	31,3	35,6	29,1	5/4/2024	29,5	-5,75%
14	CII	Cắt lỗ	18,8-19,5	28/3/2024	19,3	21,8	18,5	5/4/2024	18,55	-3,89%
15	HSG	Cắt lỗ	22,8-24	3/4/2024	24	27,1	22,8	5/4/2024	22,8	-5,0%

Email: Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:

Mã môi giới
116C820618

Mở tài khoản VPBankS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị 30/1/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Dưới 14	~(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	~13%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	~18-37%

Mã CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66 (Có thể DCA về 61-62)	
Cắt lỗ	Dưới 59	~(-5%)
Chốt lời 1:(50%)	72-75	~12%-14%
Chốt lời 2:(50%)	Nắm giữ	

Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	~(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	~7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	~13%-24%

by Thanh Dinh ginlabs.vn

Ngoài những cp theo nhóm nghành đặc thù đã khuyến nghị. ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	7,800,000 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4,439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎁 ***Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.***

3

THAM GIA NHÓM ZALO

Quét mã hoặc truy cập

ginlabs.vn/room